

Số: 05/CBTT.API

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú thực hiện công bố báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

- Mã chứng khoán: APC

- Địa chỉ: 119A/2, tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, Thuận An, Bình Dương ✓

- Điện thoại liên hệ: 0274 371 3116

Fax: 0274 371 4036

- E-mail: mai.th@apic.com.vn

Website: www.apic.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC tổng hợp năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị phụ thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại địa chỉ: www.apic.com.vn.

Tài liệu đính kèm: BCTC tổng hợp năm 2024, văn bản giải trình.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

Người UQ CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Equal

TRẦN THỊ HỒNG MAI



Số: 17 /CV-API

(V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế kỳ này sau với cùng kỳ năm trước)

Bình Dương, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Chiếu Xạ An Phú
- Mã chứng khoán: APC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 119A/2, Tổ 4, KP 1B, P. An Phú, TP. Thuận An, T. Bình Dương.
- Nội dung thông tin công bố: Giải trình Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2024 biến động so với năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	NĂM 2024	NĂM 2023	Biến động	
				Giá trị	%
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(20,859,878,771)	(35,609,056,361)	14,749,177,590	41%

Công ty giải trình nguyên nhân chủ yếu sau:

Chỉ tiêu	NĂM 2024	NĂM 2023	Thay đổi	Tỷ lệ
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng	31,742,943,973	25,400,637,433	6,342,306,540	25%
Chi phí tài chính giảm	20,308,359,399	32,044,190,850	(11,735,831,451)	-37%

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT HN
- Lưu VT

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU XẠ
AN PHÚ
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

VÕ THÙY DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU XẠ AN PHÚ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 34
8. Phụ lục	35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700480244, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp;
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 73/CN-UB ngày 30 tháng 6 năm 2003 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 6803760767, chứng nhận lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2009 và chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16 tháng 12 năm 2016 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Vĩnh Long cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 2530281101, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2018 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Bắc Ninh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 7538722580, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2019 và chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 08 tháng 12 năm 2021 do Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3700480244-004, chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 22 tháng 01 năm 2010, Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APC. Ngày 02 tháng 5 năm 2024, Cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, Cổ phiếu của Công ty được niêm yết lại tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là APC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (0274) 371 3116
- Fax : (0274) 371 4036

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 01	Lô C1 và C2 Khu Công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 02	Số 29, đường 9, Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 03	Lô E6 - 6, lô E6 - 7 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh	157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Chiếu xạ khử trùng các loại thủy sản, các dụng cụ y tế; chiếu xạ, bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
- Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh; Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm đông lạnh;
- Bán buôn thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
- Sản xuất hoá chất cơ bản (không sản xuất tại địa chỉ trụ sở, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Bảng 1 theo Công ước Quốc tế);
- Nghiên cứu và phát triển công nghệ chiếu xạ ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ vật liệu mới; công nghệ nano, lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Võ Thùy Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng	Phụ trách quản trị	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2020
Bà Phạm Thị Lượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Ngọc Trâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Chủ tịch ủy ban	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Bà Phạm Thị Lượng	Thành viên ủy ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thùy Dương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2015
Ông Võ Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 8 năm 2017
Ông Võ Thái Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Võ Thùy Dương – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Thủy Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0618/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hoàng Thái Vượng
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1
Người được ủy quyền



Võ Thành Công
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.876.737.366	128.897.859.531
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.689.043.385	6.478.702.371
1. Tiền	111	V.1	7.689.043.385	6.478.702.371
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.641.874.556	22.651.579.752
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.641.874.556	22.651.579.752
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.495.603.256	90.472.931.784
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.724.899.908	26.750.165.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46.843.774.924	73.759.523.501
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	275.555.142	456.127.002
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.348.626.718)	(10.492.884.305)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.834.749.710	668.589.590
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.834.749.710	668.589.590
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.215.466.459	8.626.056.034
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	995.973.234	528.873.183
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.704.985.778	5.582.675.404
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.514.507.447	2.514.507.447
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tô 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726.315.830.690	761.576.608.061
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.348.350.000	10.348.350.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.348.350.000	10.348.350.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		616.478.987.536	645.017.505.369
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	594.797.826.783	621.387.863.528
- Nguyên giá	222		930.886.436.803	902.950.712.603
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336.088.610.020)	(281.562.849.075)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.681.160.753	23.629.641.841
- Nguyên giá	228		40.565.943.633	40.565.943.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.884.782.880)	(16.936.301.792)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		78.000.000	78.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	78.000.000	78.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		99.410.493.154	106.132.752.692
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8a	99.410.493.154	106.132.752.692
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		814.192.568.056	890.474.467.592

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tò 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		244.411.526.224	299.833.546.989
I. Nợ ngắn hạn	310		132.406.227.342	114.056.438.107
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	11.659.698.120	7.930.314.487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		630.819.097	142.685.042
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	307.816.204	456.603.944
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.805.652.662	1.998.772.047
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.717.718.614	2.124.613.889
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	5.400.000
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.724.929.965	1.741.037.715
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	100.400.000.000	86.443.018.303
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	13.159.592.680	13.213.992.680
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		112.005.298.882	185.777.108.882
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		628.190.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	111.377.108.882	185.777.108.882
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

315-C
CÔNG TY
M HỮU HẠ
VÀ TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		569.781.041.832	590.640.920.603
I. Vốn chủ sở hữu	410		569.781.041.832	590.640.920.603
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	201.213.950.000	201.213.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		201.213.950.000	201.213.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	121.440.570.454	121.440.570.454
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(2.163.700.000)	(2.163.700.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	9.269.234.725	9.269.234.725
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	240.020.986.653	260.880.865.424
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		260.880.865.424	260.880.865.424
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(20.859.878.771)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		814.192.568.056	890.474.467.592

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi
Người lập

Trần Thị Hồng Mai
Kế toán trưởng



Võ Thùy Dương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tô 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131.101.428.097	117.910.322.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.101.428.097	117.910.322.495
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.358.484.124	92.509.685.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.742.943.973	25.400.637.433
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.068.838.071	4.594.616.624
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.308.359.399	32.044.190.850
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.937.338.082	31.840.194.487
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.790.338.903	4.832.639.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.273.149.924	27.968.518.839
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(20.560.066.182)	(34.850.095.081)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	552.688.115	171.506.771
12. Chi phí khác	32	VI.8	351.949.309	265.147.867
13. Lợi nhuận khác	40		200.738.806	(93.641.096)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	500.551.395	665.320.184
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.048)	(1.789)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(1.048)	(1.789)

Phan Thị Lợi
Người lập

Trần Thị Hồng Mai
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Võ Thúy Dương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	56.474.242.033	49.099.614.840
- Các khoản dự phòng	03	V.6	505.914.852	617.576.610
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	214.678.801	203.996.363
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.057.476.138)	(4.581.235.272)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	19.937.338.082	31.840.194.487
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.715.370.254	42.236.410.851
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.671.099.849	11.573.867.304
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.166.160.120)	(106.322.892)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		731.593.552	1.005.094.029
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.255.159.487	(34.750.200.947)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16; VI.4	(19.318.662.759)	(31.965.508.516)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(500.551.395)	(665.320.184)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(54.400.000)	(45.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.333.448.868	(12.717.280.355)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(3.950.610.599)	(22.264.852.788)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.11; VII	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(1.287.474.407)	(20.108.363.094)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	13.297.179.603	101.419.355.037
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	1.234.207.407	4.776.722.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.293.302.004	63.822.862.057

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	53.004.508.630	83.837.132.490
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(113.447.526.933)	(132.994.114.187)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(60.443.018.303)	(49.156.981.697)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.183.732.569	1.948.600.005
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.478.702.371	4.528.433.207
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.608.445	1.669.159
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.689.043.385	6.478.702.371

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi
Người lập

Trần Thị Hồng Mai
Kế toán trưởng



Võ Thùy Dương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chiếu xạ khử trùng các loại thủy sản, các dụng cụ y tế; chiếu xạ, bảo quản các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh; Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm đông lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 01	Lô C1 và C2 Khu công nghiệp Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 02	Số 29, đường 9, Khu Công Nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Chi nhánh 03	Lô E6 - 6, lô E6 - 7 đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú – Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh	157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 217 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 227 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tô 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tò 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty là công cụ, dụng cụ và hàng hoá. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và chi phí nguồn xạ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 năm).

Chi phí nguồn xạ

Chi phí nguồn xạ thể hiện tổng số tiền đã chi để mua nguồn xạ. Chi phí nguồn xạ được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo chu kỳ bán rã của đồng vị phóng xạ Coban 60, công thức tính cụ thể như sau: $N(T) = N_0 \times (e^{-(\ln(2)/(5,272 \times T))})$. Chu kỳ bán rã của đồng vị phóng xạ Coban 60 là 5,2716 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 35
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (20 - 47 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	251.294.124	203.430.186
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.437.749.261	6.275.272.185
Cộng	7.689.043.385	6.478.702.371

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng</i>		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	12.651.579.752
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Quận 11	10.641.874.556	10.000.000.000
Cộng	10.641.874.556	22.651.579.752

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>412.020.000</i>	-
Công ty TNHH Thái Sơn	412.020.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>19.312.879.908</i>	<i>26.750.165.586</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Quốc Việt	5.849.353.705	5.849.353.705
Công ty TNHH Hai Premium Treats	2.260.137.165	1.172.190.038
Công ty TNHH MTV Lan Anh Bình Dương	1.190.491.197	2.112.320.671
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Cá 2	614.919.006	5.080.661.049
Các khách hàng khác	9.397.978.835	12.535.640.123
Cộng	19.724.899.908	26.750.165.586

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>43.568.839.855</i>	<i>50.148.819.855</i>
Công ty TNHH Thái Sơn (i)	43.568.839.855	50.148.819.855
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>3.274.935.069</i>	<i>23.610.703.646</i>
Corpex Asia Ltd.,	-	21.098.089.194
Các nhà cung cấp khác	3.274.935.069	2.512.614.452
Cộng	46.843.774.924	73.759.523.501

(i) Khoản tiền trả trước theo hợp đồng mua bán số 001-2021/TS-API/HĐKT được ký ngày 19 tháng 8 năm 2021 và các phụ lục về việc tạm ứng cho việc mua 750.000 Ci nguồn phóng xạ Co-60 và chi phí cải tạo, vận chuyển, lắp đặt, tính toán phân bổ nguồn, lập thủ tục cấp phép và sử dụng.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.200.000	-	11.200.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	264.355.142	-	441.086.411	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	3.840.591	-
Cộng	275.555.142	-	456.127.002	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ dài hạn tại Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo thực hiện dự án Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Ứng dụng Công nghệ Chiếu xạ. Đến thời điểm hiện tại do vấn đề về pháp lý bao gồm thực hiện công tác rà soát điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng theo đúng quy định và chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép cho việc sử dụng phóng xạ nên dự án vẫn chưa thực hiện. Công ty điều chỉnh tiến độ sẽ hoàn thành thủ tục pháp lý về quy hoạch và khởi công từ quý 3 năm 2024 đến quý 3 năm 2027 (xem thuyết minh V.21a).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Kinh doanh Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Quốc Việt	Từ 03 năm trở lên	5.849.353.705	-	Từ 03 năm trở lên	5.849.353.705	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	523.720.476	366.604.333	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	272.054.170	190.437.919
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	606.185.674	303.092.837	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	419.601.447	209.800.723
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	415.541.210	124.662.346	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	154.292.014	46.287.604
	Từ 03 năm trở lên	748.185.169	-	Từ 03 năm trở lên	4.244.109.215	-
Cộng		8.142.986.234	794.359.516		10.939.410.551	446.526.246

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.492.884.305	9.875.307.695
Trích lập dự phòng	505.914.852	617.576.610
Xoá số công nợ	(3.650.172.439)	-
Số cuối năm	7.348.626.718	10.492.884.305

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	2.549.518.077	-	668.589.590	-
Hàng hóa	285.231.633	-	-	-
Cộng	2.834.749.710	-	668.589.590	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	239.743.955	26.956.477
Chi phí bảo hiểm	45.579.198	40.244.275
Chi phí sửa chữa	223.160.000	163.536.776
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	487.490.081	298.135.655
Cộng	995.973.234	528.873.183

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	925.086.630	1.988.545.325
Tiền thuê đất (i)	27.676.928.029	28.517.746.093
Chi phí nguồn xạ	69.500.085.002	73.079.245.202
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.308.393.493	2.547.216.072
Cộng	99.410.493.154	106.132.752.692

(i) Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh V.18b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	315.095.192.494	529.141.552.593	31.876.307.303	26.837.660.213	902.950.712.603
Mua trong năm	-	431.049.200	1.609.650.091	231.291.182	2.271.990.473
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	80.224.545	784.828.988	131.091.000	-	996.144.533
Kết chuyển tài sản cố định trong năm	-	24.667.589.194	-	-	24.667.589.194
Số cuối năm	315.175.417.039	555.025.019.975	33.617.048.394	27.068.951.395	930.886.436.803
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	56.858.024.947	41.393.848.569	18.390.550.864	757.099.639	117.399.524.019
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	114.633.767.451	143.916.127.734	21.384.304.680	1.628.649.210	281.562.849.075
Khấu hao trong năm	11.512.374.786	38.068.517.243	1.629.303.383	3.315.565.533	54.525.760.945
Số cuối năm	126.146.142.237	181.984.644.977	23.013.608.063	4.944.214.743	336.088.610.020
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	200.461.425.043	385.225.424.859	10.492.002.623	25.209.011.003	621.387.863.528
Số cuối năm	189.029.274.802	373.040.374.998	10.603.440.331	22.124.736.652	594.797.826.783
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh có nguyên giá là 44.332.983.208 VND và giá trị còn lại là 38.603.462.224 VND được đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT- APIRA ngày 01 tháng 3 năm 2022 với Bà Võ Thùy Dương (Xem thuyết minh số VIII.3).

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 464.144.524.972 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	35.063.900.737	5.502.042.896	40.565.943.633
Số cuối năm	35.063.900.737	5.502.042.896	40.565.943.633
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	988.285.878	988.285.878
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	13.100.700.324	3.835.601.468	16.936.301.792
Khấu hao trong năm	976.815.792	971.665.296	1.948.481.088
Số cuối năm	14.077.516.116	4.807.266.764	18.884.782.880
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	21.963.200.413	1.666.441.428	23.629.641.841
Số cuối năm	20.986.384.621	694.776.132	21.681.160.753
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.18b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	78.000.000	-	-	-	78.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.168.334.083	(996.144.533)	(172.189.550)	-
Dự án Nhà máy chiếu xạ Bình Dương	-	383.505.095	(211.315.545)	(172.189.550)	-
Dự án Nhà máy chiếu xạ Bắc Ninh	-	784.828.988	(784.828.988)	-	-
Cộng	78.000.000	1.168.334.083	(996.144.533)	(172.189.550)	78.000.000

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay (i)	19.821.631.453	17.448.155.842
Lỗ tính thuế (ii)	30.152.949.821	16.399.863.879
Cộng	49.974.581.274	33.848.019.721

(i) Chi tiết chi phí lãi vay không được trừ như sau:

Năm 2022	2.651.107.266
Năm 2023	14.797.048.576
Năm 2024	2.373.475.611
Cộng	19.821.631.453

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Số lỗ tính thuế đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Cục thuế Tỉnh Bình Dương ngày 23 tháng 9 năm 2024. Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng như sau:

Năm 2023	16.399.863.879
Năm 2024	13.753.085.942
Cộng	30.152.949.821

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tò 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông (i)	7.615.488.325	7.278.393.209
Corpex Asia Ltd.,	3.590.587.000	-
Các nhà cung cấp khác	453.622.795	651.921.278
Cộng	11.659.698.120	7.930.314.487

(i) Công ty chưa thanh toán khoản nợ quá hạn cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân Mê Kông do đối tác chưa hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	381.831.572	-	3.400.569.661	(3.563.433.853)	218.967.380	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	228.623.188	(228.623.188)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	37.693.034	(37.693.034)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.514.507.447	500.551.395	(500.551.395)	-	2.514.507.447
Thuế thu nhập cá nhân	74.772.372	-	750.035.411	(735.958.959)	88.848.824	-
Tiền thuế đất	-	-	454.320.624	(454.320.624)	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	35.243.797	(35.243.797)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	29.664.468	(29.664.468)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	155.615.544	(155.615.544)	-	-
Cộng	456.603.944	2.514.507.447	5.592.317.122	(5.741.104.862)	307.816.204	2.514.507.447

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu 0%
- Hàng tiêu thụ trong nước 05% hoặc 10%

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 áp dụng theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024 áp dụng theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ có một số loại hàng hóa dịch vụ áp dụng thuế suất 8%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ (i)	2.373.475.611	14.797.048.576
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	4.232.765.823	3.746.823.722
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tính thuế	(13.753.085.942)	(16.399.863.879)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	-	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	500.551.395	665.320.184
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	500.551.395	665.320.184

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Ban quản lý các dự án đầu tư – xây dựng Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. **Phải trả người lao động**
Tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên.

16. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng môi giới	233.386.509	129.346.098
Chi phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng và điều hành	1.080.629.070	1.080.629.071
Chi phí lãi vay	1.005.803.698	387.128.375
Chi phí điện	384.690.153	397.970.284
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	13.209.184	129.540.061
Cộng	2.717.718.614	2.124.613.889

17. **Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.250.661.890	1.111.111.890
Cổ tức phải trả	236.593.375	236.593.375
Hoa hồng phải trả	-	279.332.450
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	237.674.700	114.000.000
Cộng	1.724.929.965	1.741.037.715

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>	<u>26.000.000.000</u>	-
Vay Bà Trần Ngọc Thiên Nga (i)	26.000.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	<u>12.043.018.303</u>
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	2.292.551.495
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sài Gòn	-	9.750.466.808
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<u>74.400.000.000</u>	<u>74.400.000.000</u>
Cộng	<u>100.400.000.000</u>	<u>86.443.018.303</u>

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Bà Trần Ngọc Thiên Nga theo hợp đồng ký lần lượt vào ngày 10 tháng 6 năm 2024, ngày 12 tháng 9 năm 2024 và ngày 11 tháng 12 năm 2024 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất lần lượt là 8%/năm và 6,8%/năm, thời hạn vay lần lượt là 05 tháng, 6 tháng và 3 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.043.018.303	22.004.508.630	-	(34.047.526.933)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	31.000.000.000	-	(5.000.000.000)	26.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	74.400.000.000	-	74.400.000.000	(74.400.000.000)	74.400.000.000
Cộng	<u>86.443.018.303</u>	<u>53.004.508.630</u>	<u>74.400.000.000</u>	<u>(113.447.526.933)</u>	<u>100.400.000.000</u>

18b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để thực hiện “Dự án đầu tư nhà máy Chiếu xạ An Phú tại Bắc Ninh”, thời hạn vay tối đa 78 tháng nhưng không vượt quá ngày 07 tháng 6 năm 2027. Lãi suất cố định trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, sau thời gian áp dụng lãi suất cho vay cố định thì lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.

Khoản vay này được đảm bảo bởi:

- Tài sản gắn liền với tại thửa đất số 200, tờ bản đồ số dc 9, diện tích 14.279,41 m² địa chỉ tại Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 131/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 58, diện tích 27.095,5 m² tại Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 132/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy Chiếu xạ An Phú” tại Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 133/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp số 134/AP-VCB/HĐTC/2020 và 135/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thửa đất số 200, tờ bản đồ số dc 9, diện tích 14.279,41 m², địa chỉ Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 136/AP-VCB/HĐTC/2020;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thừa đất số 2, Tờ bản đồ số 58, diện tích 27.095,5 m², địa chỉ Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thế chấp số 137/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Quyền sử dụng tài sản và các khoản lợi phát sinh từ hợp đồng với Thừa đất số 9, tờ bản đồ số 29, diện tích 15.000,00 m², địa chỉ Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh theo Hợp đồng thế chấp số 138/AP-VCB/HĐTC/2020.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	74.400.000.000	74.400.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	111.377.108.882	185.777.108.882
Cộng	185.777.108.882	260.177.108.882

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	185.777.108.882	260.177.108.882
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(74.400.000.000)	(74.400.000.000)
Số cuối năm	111.377.108.882	185.777.108.882

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.213.992.680	13.259.292.680
Chi quỹ	(54.400.000)	(45.300.000)
Số cuối năm	13.159.592.680	13.213.992.680

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Võ Thùy Dương	80.529.200.000	80.529.200.000
Công ty TNHH Thái Sơn	44.596.540.000	44.596.540.000
Torus Capital Investments Pte. Ltd.	28.707.200.000	28.707.200.000
Ông Võ Thái Sơn	8.711.000.000	8.000.000.000
Bà Lê Thị Mỹ Duyên	5.483.400.000	5.483.400.000
Cổ phiếu quỹ	2.163.700.000	2.163.700.000
Các cổ đông khác	31.022.910.000	31.733.910.000
Cộng	201.213.950.000	201.213.950.000

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-API ngày 25 tháng 6 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần
- Số lượng chào bán dự kiến: 19.905.025 cổ phần
- Giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định
- Thời gian dự kiến chào bán: Quý 04/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Nguyên tắc xác định giá chào bán: dựa trên giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2020 (căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2020) và tình hình thị trường tại thời điểm chào bán
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua: 1:1. Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ làm tròn đến hàng đơn vị
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng cho việc đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển ứng dụng công nghệ chiếu xạ (APIRA) và bổ sung vốn lưu động.

Do ảnh hưởng bởi dịch covid-19 làm trì hoãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư nên việc huy động vốn của Công ty đã điều chỉnh lại theo thời gian thực hiện dự án (từ quý 3 năm 2023 đến quý 4 năm 2027).

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.121.395	20.121.395
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.121.395	20.121.395
- Cổ phiếu phổ thông	20.121.395	20.121.395
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(216.370)	(216.370)
- Cổ phiếu phổ thông	(216.370)	(216.370)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.905.025	19.905.025
- Cổ phiếu phổ thông	19.905.025	19.905.025
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	643.714.628	643.714.628
Trên 01 năm đến 05 năm	2.574.858.510	2.574.858.510
Trên 05 năm	26.099.051.953	26.753.495.157
Cộng	29.317.625.090	29.972.068.295

Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm tổng số tiền thuê đất 29.616,5 m² đất tại vị trí lần lượt là số 9570-1/GĐ-TNMT đối với Lô E6-6, Đường D9, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức và vị trí số 9570-2/GĐ-TNMT đối với Lô E6-7, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức với giá thuê là 21.735 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 49 năm 11 tháng tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2019 đến ngày 21 tháng 11 năm 2069 (xem thuyết minh V.5b và V.20b).

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 109.442,28 USD (số đầu năm 1.879,48 USD).

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm Công ty đã xử lý xóa các khoản nợ phải thu không thu hồi được với tổng số tiền 3.650.172.439 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.898.698.562	116.268.405.756
Doanh thu khác	2.202.729.535	1.641.916.739
Cộng	131.101.428.097	117.910.322.495

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng với Công ty TNHH Thái Sơn với số tiền là 381.500.000 VND (năm trước là không có giao dịch phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.057.476.138	4.581.235.272
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.361.933	13.381.352
Cộng	1.068.838.071	4.594.616.624

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.937.338.082	31.840.194.487
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	156.342.516	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	214.678.801	203.996.363
Cộng	20.308.359.399	32.044.190.850

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.494.256.974	2.788.411.847
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	27.131.058	5.488.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.454.708	43.819.227
Chi phí hoa hồng	2.184.691.349	1.958.519.490
Các chi phí khác	76.804.814	36.400.244
Cộng	4.790.338.903	4.832.639.449

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.718.707.281	12.783.557.276
Chi phí đồ dùng văn phòng	326.970.773	420.188.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.355.943.585	4.023.285.299
Thuế, phí và lệ phí	14.126.300	18.910.390
Dự phòng phải thu khó đòi	505.914.852	617.576.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.280.659.865	3.739.356.673
Các chi phí khác	5.070.827.268	6.365.643.880
Cộng	28.273.149.924	27.968.518.839

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tổ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hàng tặng, khuyến mãi	520.912.950	170.142.302
Thu nhập khác	31.775.165	1.364.469
Cộng	552.688.115	171.506.771

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	351.006.509	220.620.825
Chi phí khác	942.800	44.527.042
Cộng	351.949.309	265.147.867

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.905.025	19.905.025
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.048)	(1.789)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.475.540.883	12.148.097.720
Chi phí nhân công	35.841.857.845	36.238.622.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.474.242.033	49.099.614.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.485.515.822	20.044.353.204
Chi phí khác	8.144.816.368	7.780.155.222
Cộng	132.421.972.951	125.310.843.350

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	3.083.416.700	23.606.207.594
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	3.876.276.104	413.953.397

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bà Võ Thùy Dương		
Thanh toán chi phí Công ty bằng thẻ visa cá nhân	2.192.015.373	3.033.110.218
Ông Võ Thái Sơn		
Thanh toán chi phí Công ty bằng thẻ visa cá nhân	841.891.429	893.805.388
Bà Trần Ngọc Thiên Nga		
Vay	31.000.000.000	-
Lãi vay	764.547.946	-

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong tại thuyết minh số V.18a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Huỳnh Ngọc Hậu	Chủ tịch HĐQT	206.400.000	208.000.000
Bà Võ Thùy Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.156.467.559	1.375.980.000
Ông Võ Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	824.231.504	830.120.000
Bà Lê Thị Mỹ Duyên	Thành viên HĐQT	318.897.593	303.230.000
Bà Huỳnh Thị Bích Loan	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch ủy ban kiểm toán nội bộ	180.600.000	182.000.000
Bà Phạm Thị Lượng	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên ủy ban kiểm toán nội bộ	37.488.889	182.000.000
Bà Trần Ngọc Trâm	Thành viên HĐQT	112.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng	Phụ trách quản trị	154.800.000	156.000.000
Cộng		2.990.885.545	3.237.330.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Thái Sơn là cổ đông có ảnh hưởng đáng kể.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng cho bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty có phát sinh các giao dịch về mua hàng của Công ty TNHH Thái Sơn với số tiền là 5.981.800.000 VND (năm trước là 45.299.627.768 VND).

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.4.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ chiếu xạ khử trùng và lưu kho bảo quản sản phẩm. Các dịch vụ này không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

Các dịch vụ của Công ty được cung cấp cho khách hàng tại khu vực Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Miền Tây Nam Bộ và Miền Bắc thông qua Trụ sở chính và các Chi nhánh của Công ty. Các thị trường này cũng không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty tiếp tục bị lỗ 20.859.878.771 VND và tại ngày đó, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 44.529.489.976 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, đến ngày 21 tháng 3 năm 2025 Công ty đã nhận được Thông báo cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Á Châu với hạn mức là 170.000.000.000 VND và thời gian vay là 10 năm. Công ty sẽ dùng khoản vay này để hoàn vốn vay đầu tư dự án Nhà máy chiếu xạ An Phú tại Bắc Ninh. Do vậy Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Thông tin khác

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT- APIRA ngày 01 tháng 3 năm 2022, Công ty và Bà Võ Thùy Dương đã hợp tác đầu tư, xây dựng và mua sắm thiết bị Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 14, với diện tích 76,2 m², địa chỉ số 157 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Theo Hợp đồng, Bà Võ Thùy Dương góp vốn bằng việc chuyển giao quyền sử dụng đất trong vòng 20 năm cho Công ty, Công ty góp vốn với số tiền là 45.000.000.000 VND để thực hiện xây dựng văn phòng trên đất theo giấy phép xây dựng đã được cấp cho Công ty, thời gian hợp tác là 20 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2042, sau thời gian trên Công ty sẽ chuyển giao tài sản (Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Bà Võ Thùy Dương). Ngoài ra Công ty sẽ trả thêm chi phí hỗ trợ từ năm thứ 09 với số tiền là 30.000.000 VND/tháng vào ngày cuối cùng mỗi tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tờ 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

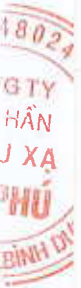
Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phan Thị Lợi
Người lập

Trần Thị Hồng Mai
Kế toán trưởng



Võ Thùy Dương
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Địa chỉ: 119A/2, Tô 4, Khu phố 1B, Phường An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	296.489.921.785	626.249.976.964
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(35.609.056.361)	(35.609.056.361)
Số dư cuối năm trước	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	260.880.865.424	590.640.920.603
Số dư đầu năm nay	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	260.880.865.424	590.640.920.603
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	(20.859.878.771)	(20.859.878.771)
Số dư cuối năm nay	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	240.020.986.653	569.781.041.832



Phan Thị Lợi

Người lập

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025





Võ Thùy Dương

Tổng Giám đốc



No: 05/CBTT.API

Binh Duong, March 28, 2025

PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

To: Hanoi Stock Exchange

Incompliance with Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, issued by the Ministry of Finance, guiding the disclosure of information in the securities market, An Phu Irradiation Joint Stock Company submits the disclosure of its financial statements for year 2024 to Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Organization Name: AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

- Securities symbol: APC
- Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province
- Contact phone: 0274 371 3116 Fax: 0274 371 4036
- E-mail: mai.tth@apic.com.vn Website: www.apic.com.vn

2. Disclosure information content:

- Combined Financial Statements for the fiscal year ending December 31, 2024:

Separate Financial Statements (The listed organization has no subsidiaries, and the superior accounting unit has no affiliated units);

Consolidated Financial Statements (The listed organization has subsidiaries);

Combined Financial Statements (The listed organization has affiliated units with separate accounting systems).

- Cases requiring explanation:

+ The auditor provided an opinion that is not a full acceptance of the Financial Statements (for the 2023 audited financial statements):

Yes

No

Explanation document if applicable:

Yes

No

+ Profit after tax in the reporting period shows a deviation of 5% or more before and after the audit, or shifts from loss to profit or vice versa (for the 2023 audited financial statements):

Yes

No



Explanation document if applicable:

Yes

No

+ Profit after tax in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:

Yes

No

Explanation document if applicable:

Yes

No

+ Profit after tax in the reporting period is a loss, shifts from profit to loss compared to the same period of the previous year or vice versa:

Yes

No

Explanation document if applicable:

Yes

No

3. This information has been disclosed on the company's website on March 28, 2025 at the link: www.apic.com.vn.

Attachments: Combined Financial Statements for the fiscal year ending December 31, 2024; Explanation document.

Recipients:

- As states above;
- Archived: Secretary of the BoDs.

Authorized person to disclose information

CHIEF ACCOUNTANT



TRAN THI HONG MAI



AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK
COMPANY

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số: 17/CV-API

Binh Duong, March 28, 2025

(Profit after tax in the income statement of the reporting
period changes compared to the same period of the
previous year)

Kính gửi: - Hanoi Stock Exchange

1. Organization Name: AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY
2. Securities symbol: APC
3. Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province.
4. Disclosure information content: Explanation of profit after tax in the income statement for 2024 as follow

No.,	Items	2024	2023	Change	
				Amount	Ratio
1	Profit after tax	(20,859,878,771)	(35,609,056,361)	14,749,177,590	41%

The main reasons is listed as follow:

Items	2024	2023	Change	Ratio
Net revenue increased	31,742,943,973	25,400,637,433	6,342,306,540	25%
Financial expenses decreased	20,308,359,399	32,044,190,850	(11,735,831,451)	-37%

Sincerely!

Recipients:

- As stated above;
- Archived: Secretary of the BoDs

GENERAL DIRECTOR
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHIẾU XÁ
AN PHU
TR. THUAN AN - T. BINH DUONG
VO THUY DUONG

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

**AN PHU IRRADIATION
JOINT STOCK COMPANY**

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Directors	2 - 4
3. Independent Auditor's Report	5
4. Combined Balance Sheet as of 31 December 2024	6 - 9
5. Combined Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Combined Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Combined Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 35
8. Appendix	36

STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of An Phu Irradiation Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) presents this statement together with the Combined Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Business highlights

An Phu Irradiation Joint Stock Company has been operating in line with:

- The Business Registration Certificate No. 3700480244, registered for the first time on 20 January 2003 and amended for the 15th time on 10 September 2020, granted by Binh Duong Province Department of Planning and Investment.
- The Investment Incentive Certificate No. 73/CN-UB dated 30 June 2003, granted by the People’s Committee of Binh Duong Province;
- The Investment Registration Certificate (project code) No. 6803760767, certified for the first time on 26 October 2009 and amended for the 2nd time on 16 December 2016, granted by Vinh Long Industrial Zones Authority.
- The Investment Registration Certificate (project code) No. 2530281101, certified for the first time on 23 October 2018, granted by Bac Ninh Industrial Zones Authority.
- The Investment Registration Certificate (project code) No. 7538722580, certified for the first time on 22 November 2019 and amended for the 1st time on 08 December 2021, granted by the Board of Management of Saigon Hi-Tech Park.
- The Representative Office Operation Registration Certificate No. 3700480244-004, certified for the first time on 13 October 2023, granted by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.

On 22 January 2010, the Company’s shares were listed on Ho Chi Minh Stock Exchange with securities code of APC. On 02 May 2024, the Company’s shares were delisted from Ho Chi Minh Stock Exchange.

On 08 May 2024, the Company’s shares were re-listed on Hanoi Stock Exchange with securities code of APC.

Head office

- Address : No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province.
- Tel. : (0274) 371 3116
- Fax : (0274) 371 4036

The Company has the following affiliates:

Affiliate	Address
An Phu Irradiation Joint Stock Company - Branch 1	Lots C1 and C2, Binh Minh Industrial Park, My Loi Hamlet, My Hoa Commune, Binh Minh Town, Vinh Long Province
An Phu Irradiation Joint Stock Company - Branch 2	No. 29, Road 9, VSIP Bac Ninh Industrial – Urban – Service Park, Dai Dong Commune, Tien Du District, Bac Ninh Province
An Phu Irradiation Joint Stock Company - Branch 3	Lot E6 - 6, Lot E6 – 7, Road D1, Hi-Tech Park, Long Thanh My Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
An Phu Irradiation Joint Stock Company – Representative office in Ho Chi Minh	No. 157 Le Thanh Ton Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS (cont.)

Principal business activities of the Company are:

- To irradiate and sterilize aquatic products and medical instruments; to irradiate, preserve industrial products and other consumer products;
- To preserve frozen vegetables; To preserve frozen foods;
- To wholesale seafood, meat products, agricultural products of all kinds;
- To produce basic chemicals (not producing at the head office where is only acted as a transaction office);
- To wholesale other chemicals (except for those in Schedule 1 under the International Convention);
- To research and develop irradiation technology applied in the fields of new material technology; nanotechnology, medicine and healthcare.

Board of Management and Executive Board

The Board of Management and the Executive Board of the Company during the year and as of the date of this statement include:

The Board of Management

Full name	Position	Appointing/resigning/reappointing date
Mr. Huynh Ngoc Hau	Chairman	Reappointed on 28 April 2023
Ms. Vo Thuy Duong	Member	Reappointed on 28 April 2023
Ms. Huynh Thi Bich Loan	Member	Reappointed on 28 April 2023
Ms. Tran Ngoc Tram	Member	Appointed on 26 April 2024
Ms. Le Thi My Duyen	Member	Appointed on 28 April 2023
Mr. Nguyen Ngoc Hoang	Admin Manager	Appointed on 03 July 2020
Ms. Pham Thi Luong	Member	Resigned on 26 April 2024

The Audit Committee

Full name	Position	Appointing/resigning date
Ms. Huynh Thi Bich Loan	Chairwoman	Appointed on 04 May 2022
Ms. Pham Thi Luong	Member	Resigned on 26 April 2024

The Board of Directors

Full name	Position	Appointing date
Ms. Vo Thuy Duong	General Director	Appointed on 10 February 2015
Mr. Vo Thai Son	Deputy General Director	Appointed on 08 August 2017
Mr. Vo Thai Thuan	Deputy General Director	Appointed on 18 November 2024

Legal representative

The Company's legal representative during the year and as of the date of this statement is Ms. Vo Thuy Duong – General Director (appointed on 10 February 2015).

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Combined Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Responsibilities of the Board of Directors

The Board of Directors of the Company is responsible for the preparation of the Combined Financial Statements to give a true and fair view of the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the year. In order to prepare these Combined Financial Statements, the Board of Directors must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;

3449815.
CÔNG TY
H NHIỆM HỮU
TOÁN VÀ TƯ
A & C
TP. HỒ

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS (cont.)

- state clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Combined Financial Statements;
- prepare the Combined Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate;
- Design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

The Board of Directors hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Directors is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Directors hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Combined Financial Statements.

Approval of the Financial Statements

The Board of Directors hereby approves the accompanying Combined Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as of 31 December 2024 of the Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended, in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Directors,



Vo Thuy Duong
Vo Thuy Duong
General Director

Date: 25 March 2025



10
C
C
H
A
A

No. 1.0618/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND THE BOARD OF DIRECTORS
AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY**

We have audited the accompanying Combined Financial Statements of An Phu Irradiation Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 25 March 2025 (from page 06 to page 36) including the Combined Balance Sheet as of 31 December 2024, the Combined Income Statement, the Combined Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Combined Financial Statements.

Responsibility of the Board of Directors

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Combined Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Combined Financial Statements; and responsible for the internal control as the Company's Board of Directors determines necessary to enable the preparation and presentation of the Combined Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on these Combined Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Combined Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Combined Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Combined Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the Combined Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the Combined Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Combined Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as of 31 December 2024 of An Phu Irradiation Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended, in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

For and on behalf of
A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.



Hoang Thai Vuong
Partner

Audit Practice Registration Certificate No. 2129-2023-008-1
Authorized Signatory

Ho Chi Minh City, 25 March 2025

Vo Thanh Cong
Auditor

Audit Practice Registration Certificate No. 1033-2023-008-1

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED BALANCE SHEET

As of 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		87.876.737.366	128.897.859.531
I. Cash and cash equivalents	110		7.689.043.385	6.478.702.371
1. Cash	111	V.1	7.689.043.385	6.478.702.371
2. Cash equivalents	112		-	-
II. Short-term financial investments	120		10.641.874.556	22.651.579.752
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for devaluation of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2	10.641.874.556	22.651.579.752
III. Short-term receivables	130		59.495.603.256	90.472.931.784
1. Short-term trade receivables	131	V.3	19.724.899.908	26.750.165.586
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	46.843.774.924	73.759.523.501
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables according to the progress of construction contract	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	275.555.142	456.127.002
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(7.348.626.718)	(10.492.884.305)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		2.834.749.710	668.589.590
1. Inventories	141	V.7	2.834.749.710	668.589.590
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		7.215.466.459	8.626.056.034
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	995.973.234	528.873.183
2. Deductible VAT	152		3.704.985.778	5.582.675.404
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.14	2.514.507.447	2.514.507.447
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
B- NON-CURRENT ASSETS	200		726.315.830.690	761.576.608.061
I. Long-term receivables	210		10.348.350.000	10.348.350.000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	10.348.350.000	10.348.350.000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		616.478.987.536	645.017.505.369
1. Tangible fixed assets	221	V.9	594.797.826.783	621.387.863.528
- Historical cost	222		930.886.436.803	902.950.712.603
- Accumulated depreciation	223		(336.088.610.020)	(281.562.849.075)
2. Financial leased assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	21.681.160.753	23.629.641.841
- Initial cost	228		40.565.943.633	40.565.943.633
- Accumulated amortization	229		(18.884.782.880)	(16.936.301.792)
III. Investment property	230		-	-
- Historical costs	231		-	-
- Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in process	240		78.000.000	78.000.000
1. Long-term work in process	241		-	-
2. Construction-in-progress	242	V.11	78.000.000	78.000.000
V. Long-term financial investments	250		-	-
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252		-	-
3. Investments in other entities	253		-	-
4. Provisions for devaluation of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		99.410.493.154	106.132.752.692
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8a	99.410.493.154	106.132.752.692
2. Deferred income tax assets	262	V.12	-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		814.192.568.056	890.474.467.592

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		244.411.526.224	299.833.546.989
I. Current liabilities	310		132.406.227.342	114.056.438.107
1. Short-term trade payables	311	V.13	11.659.698.120	7.930.314.487
2. Short-term advances from customers	312		630.819.097	142.685.042
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.14	307.816.204	456.603.944
4. Payables to employees	314	V.15	1.805.652.662	1.998.772.047
5. Short-term accrued expenses	315	V.16	2.717.718.614	2.124.613.889
6. Short-term inter-company payables	316		-	5.400.000
7. Payables according to the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.17	1.724.929.965	1.741.037.715
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.18a	100.400.000.000	86.443.018.303
11. Provisions for short-term payables	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.19	13.159.592.680	13.213.992.680
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		112.005.298.882	185.777.108.882
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		628.190.000	-
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.18b	111.377.108.882	185.777.108.882
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liability	341		-	-
12. Provisions for long-term payables	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Balance Sheet (cont.)

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		569.781.041.832	590.640.920.603
I. Owner's equity	410		569.781.041.832	590.640.920.603
1. Owner's capital	411	V.20	201.213.950.000	201.213.950.000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		201.213.950.000	201.213.950.000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412	V.20	121.440.570.454	121.440.570.454
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury stocks	415	V.20	(2.163.700.000)	(2.163.700.000)
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418	V.20	9.269.234.725	9.269.234.725
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421	V.20	240.020.986.653	260.880.865.424
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		260.880.865.424	260.880.865.424
- Retained losses of the current period	421b		(20.859.878.771)	-
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		814.192.568.056	890.474.467.592

Phan Thi Loi
Preparer

Tran Thi Hong Mai
Chief Accountant

Binh Duong, 25 March 2025

Võ Thủy Dương
General Director

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of goods and provisions of services	01	VI.1	131.101.428.097	117.910.322.495
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue	10		131.101.428.097	117.910.322.495
4. Cost of sales	11	VI.2	99.358.484.124	92.509.685.062
5. Gross profit	20		31.742.943.973	25.400.637.433
6. Financial income	21	VI.3	1.068.838.071	4.594.616.624
7. Financial expenses	22	VI.4	20.308.359.399	32.044.190.850
In which: Loan interest expenses	23		19.937.338.082	31.840.194.487
8. Selling expenses	25	VI.5	4.790.338.903	4.832.639.449
9. General and administration expenses	26	VI.6	28.273.149.924	27.968.518.839
10. Net operating profit/(loss)	30		(20.560.066.182)	(34.850.095.081)
11. Other income	31	VI.7	552.688.115	171.506.771
12. Other expenses	32	VI.8	351.949.309	265.147.867
13. Other profit/(loss)	40		200.738.806	(93.641.096)
14. Total accounting profit/(loss) before tax	50		(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
15. Current income tax	51	V.14	500.551.395	665.320.184
16. Deferred income tax	52		-	-
17. Profit/(loss) after tax	60		(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
18. Basic earnings per share	70	VI.9	(1.048)	(1.789)
19. Diluted earnings per share	71	VI.9	(1.048)	(1.789)

Binh Duong, 25 March 2025


Phan Thi Loi
Preparer


Tran Thi Hong Mai
Chief Accountant


Vo Thuy Duong
General Director



AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

COMBINED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/(loss) before tax	01		(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
2. Adjustments				
- Depreciation/Amortization of fixed assets and investment properties	02	V.9; V.10	56.474.242.033	49.099.614.840
- Provisions and allowances	03	V.6	505.914.852	617.576.610
- Exchange gain/(loss) due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.4	214.678.801	203.996.363
- Gain/(loss) from investing activities	05	VI.3	(1.057.476.138)	(4.581.235.272)
- Interest expenses	06	VI.4	19.937.338.082	31.840.194.487
- Others	07		-	-
3. Operating profit before changes of working capital	08		55.715.370.254	42.236.410.851
- Increase/(decrease) of receivables	09		11.671.099.849	11.573.867.304
- Increase/(decrease) of inventories	10		(2.166.160.120)	(106.322.892)
- Increase/(decrease) of payables	11		731.593.552	1.005.094.029
- Increase/(decrease) of prepaid expenses	12		6.255.159.487	(34.750.200.947)
- Increase/(decrease) of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14	V.16; VI.4	(19.318.662.759)	(31.965.508.516)
- Corporate income tax paid	15	V.14	(500.551.395)	(665.320.184)
- Other cash inflows	16		-	-
- Other cash outflows	17	V.19	(54.400.000)	(45.300.000)
Net cash flows from operating activities	20		52.333.448.868	(12.717.280.355)
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21	V.9 V.11; VII	(3.950.610.599)	(22.264.852.788)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		-	-
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23	V.2	(1.287.474.407)	(20.108.363.094)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24	V.2	13.297.179.603	101.419.355.037
5. Investments in other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interest earned, dividends and profits received	27	V.5a; VI.3	1.234.207.407	4.776.722.902
Net cash flows from investing activities	30		9.293.302.004	63.822.862.057

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Combined Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.18a	53.004.508.630	83.837.132.490
4. Repayment for loan principal	34	V.18a	(113.447.526.933)	(132.994.114.187)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profit paid to the owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(60.443.018.303)</u>	<u>(49.156.981.697)</u>
Net cash flows during the year	50		1.183.732.569	1.948.600.005
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	6.478.702.371	4.528.433.207
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		26.608.445	1.669.159
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>7.689.043.385</u>	<u>6.478.702.371</u>

Binh Duong, 25 March 2025

Phan Thi Loi
Preparer

Tran Thi Hong Mai
Chief Accountant



Vo Thuy Duong
General Director

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

An Phu Irradiation Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) is a joint stock company.

2. Operating field

Operating field of the Company is servicing.

3. Principal business activities

Principal business activities of the Company are to irradiate and sterilize aquatic products and medical instruments; to irradiate, preserve industrial products and other consumer products; to preserve frozen vegetables; to preserve frozen foods.

4. Normal operating cycle

Normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Affiliates which are not legal entities and do accounting works dependently

Affiliates	Address
An Phu Irradiation Joint Stock Company – Branch 1	Lots C1 and C2, Binh Minh Industrial Park, My Loi Hamlet, My Hoa Commune, Binh Minh Town, Vinh Long Province
An Phu Irradiation Joint Stock Company – Branch 2	No. 29, Road 9, VSIP Bac Ninh Industrial – Urban – Service Park, Dai Dong Commune, Tien Du District, Bac Ninh Province
An Phu Irradiation Joint Stock Company – Branch 3	Lot E6 - 6, Lot E6 – 7, Road D1, Hi-Tech Park, Long Thanh My Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
An Phu Irradiation Joint Stock Company – Representative office in Ho Chi Minh	No. 157 Le Thanh Ton Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City

6. Statement of information comparability on the Combined Financial Statements

The corresponding figures in the previous year can be comparable with figures in the current year.

7. Headcount

As of the balance sheet date, the Company’s headcount is 217 (headcount at the beginning of the year: 227).

II. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 01 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because the transactions of the Company are primarily made in VND.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as the Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

2. Statement of the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Directors ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of the Combined Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Accounting convention

All the Combined Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

2. Foreign currency transactions

Transactions in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The ending balances of monetary items in foreign currencies are converted at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date.

Foreign exchange differences arisen from foreign currency transactions during the year shall be included into financial income or financial expenses. Foreign exchange differences due to the revaluation of ending balances of the monetary items in foreign currencies after offsetting their positive differences against negative differences shall be included into financial income or financial expenses.

The exchange rate used to convert foreign currency transactions is the actual exchange rate ruling as at the time of these transactions. The actual exchange rates applied to foreign currency transactions are as follows:

- For the foreign currency trading contract (including spot contract, forward contract, future contract, option contract, currency swap): the exchange rate stipulated in the contracts of trading foreign currency between the Company and the bank.
- For capital contribution made or received: the buying rate ruling as at the date of capital contribution of the bank where the Company opens its account to receive contributed capital.
- For receivables: the buying rate ruling as at the time of transactions of the commercial bank where the Company designates the customers to make payments.
- For payables: the selling rate ruling as at the time of transactions of the commercial bank where the Company supposes to make payment.
- For acquisition of assets or immediate payments in foreign currency (not included into payables): the buying rate of the commercial bank where the Company makes payments.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

The exchange rates used to re-evaluate the ending balances of monetary items in foreign currencies are determined according to the following principles:

- For foreign currency deposits: the buying rate of the bank where the Company opens its foreign currency account.
- For monetary items in foreign currencies classified as other assets: the buying rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) – South Binh Duong Branch where the Company frequently conducts transactions.
- For monetary items in foreign currencies classified as liabilities: the selling rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) – South Binh Duong Branch where the Company frequently conducts transactions.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Company intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments include term deposits for the purpose of receiving periodical interest.

Held-to-maturity investments are initially recognized at cost including the purchase cost and other transaction costs. After initial recognition, these investments are recorded at recoverable value. Interest from these held-to-maturity investments after acquisition date is recognized in the profit or loss on the basis of the interest income to be received. Interest arising prior to the Company's acquisition of held-to-maturity investments are deducted to the costs as at the acquisition time.

When there are reliable evidence proving that a part or the whole investment cannot be recovered and the loss is reliably determined, the loss is recognized as financial expenses during the year while the investment value is derecognized.

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt on the basis of the ages of debts after offsetting against liabilities (if any) or estimated loss as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts overdue between 6 months and less than 1 year.
 - 50% of the value of debts overdue between 1 year and less than 2 years.
 - 70% of the value of debts overdue between 2 years and less than 3 years.
 - 100% of the value of debts overdue more than 3 years.
- As for doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/(decreases) in the obligatory allowance for doubtful debts as of the balance sheet date are recorded into general and administration expenses.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost or net realizable value.

The Company's inventories include tools and merchandise. Costs of inventories comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.

Stock-out costs are determined in accordance with the weighted average method and recorded in line with the perpetual method.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Allowance for devaluation of inventories is recognized when their costs are higher than their net realizable values. Increases/(decreases) in the obligatory allowance for devaluation of inventories as of the balance sheet date are recorded into costs of sales.

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses incurred and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Company mainly include tools, land rental and expenses for irradiation sources. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or period in which corresponding benefits are realized.

Tools

Expenses of tools are allocated into costs in accordance with the straight-line method for the maximum period of 3 years.

Land rental

Prepaid land rental reflects the rental prepaid for the land at VSIP Bac Ninh being used by the Company and is allocated into costs in accordance with the straight-line method over the lease term (i.e. 40 years).

Expenses for irradiation sources

Expenses for irradiation sources reflect the total amount paid for purchase of irradiation sources and are allocated into operation results during the period over the half-life of the radioactive isotope Cobalt 60 according to the following formula: $N(T) = N_0 \times (e^{-(\ln(2)/(5,272 \times T))})$. The half-life of the radioactive isotope Coban 60 is 5,2716 years.

8. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if it transfers substantially all the risks and rewards incident to ownership belonging to the lessor. The lease expenses are allocated in the Company's operation costs in accordance with the straight-line method over the lease term and do not depend on the method of lease payment.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied is as follows:

<u>Fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	03 – 35
Machinery and equipment	03 – 15
Vehicles	05 – 12
Office equipment	03 - 8

10. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their initial costs less accumulated amortization.

Initial costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period only if these costs are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its initial costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Company's intangible fixed assets include:

Land use right

The land use right leased before the effective date of the Law on Land 2003 that the Company has paid rental for the entire lease term or prepaid rental for many years and the remaining prepaid lease period is at least 5 years and having been granted the land use right certificate by competent authority is amortized in accordance with the straight-line method over the lease period (i.e. 20 - 47 years).

Computer software

Expenses attributable to computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Company until the date the software is put into use. Computer software is amortized in accordance with the straight-line method in 2 - 5 years.

11. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant loan interest expenses following the accounting policies of the Company) directly related to assets under construction and machinery and equipment under installation to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets in progress. These assets are recorded at historical costs and not depreciated.

12. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded for the amounts payable in the future associated with the goods and services received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, of which the seller is an independent entity with the Company.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operation expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

The payables and accrued expenses are classified as short-term and long-term items in the Combined Balance Sheet on the basis of their remaining term as of the balance sheet date.

13. Owner's equity

Owner's capital

The contributed capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Share premiums

Share premiums are recorded in accordance with the difference between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date. Expenses directly related to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are deducted to share premiums.

Treasury shares

When a share capital in the owner's equity is re-purchased, the amount payable including the expenses related to the transaction is recorded as treasury shares and a corresponding decrease in owner's equity then is recognized. When this share capital is re-issued, the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares is recorded in "Share premiums".

14. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made with consideration toward non-cash items in the retained earnings that may affect cash flows and payment of dividends such as profit due to revaluation of assets contributed as investment capital, profit due to revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividends are recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

15. Recognition of revenue and income

Revenue from provisions of services

Revenue from provisions of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, the revenue is recognized only when these specific conditions are no longer existed and the buyer is not entitled to return the services provided.
- The Company received or shall probably receive the economic benefits associated with the provision of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are provided in several accounting periods, the determination of revenue is done on the basis of the volume of work done as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

16. Borrowing costs

Borrowing costs include loan interest and other costs incurred directly relevant to borrowings.

Borrowing costs are recorded as an expense when it is incurred. In case the borrowing costs are directly attributable to the construction or the production of an asset in progress, which takes a substantial period of time (over 12 months) to get ready for intended use or sales of the asset, these costs will be included in the cost of that asset. To the extent that the borrowings are especially for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, the borrowing cost is eligible for capitalization even if construction period is under 12 months. Incomes arisen from provisional investments as loans are recognized as a decrease in the costs of relevant assets.

In the event that general borrowings are partly used for the acquisition, construction or production of an asset in progress, the costs eligible for capitalization will be determined by applying the capitalization rate to average accumulated expenditure on construction or production of that asset. The capitalization rate is computed at the weighted average interest rate of the borrowings not yet paid during the year, except for particular borrowings serving the purpose of obtaining a specific asset.

17. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

18. Corporate income tax

Corporate income tax includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax

Current income tax is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

Deferred income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the Combined Financial Statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Carrying values of deferred corporate income tax assets are considered as of the balance sheet date and will be reduced to the rate that ensures enough taxable income against which the benefits from part of or all of the deferred income tax can be used. Deferred corporate income tax assets, which have not been recorded before, are considered as of the balance sheet date and are recorded when there is certainly enough taxable income to use these unrecognized deferred corporate income tax assets.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rate to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the Income Statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity.

The Company shall offset deferred tax assets and deferred tax liabilities if:

- The Company has the legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are relevant to corporate income tax which is under the management of one tax authority either:
 - Of the same subject to corporate income tax; or
 - The Company has intention to pay current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis or recover tax assets and settle tax liability simultaneously in each future period to the extent that the majority of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are paid or recovered.

19. Related parties

A party is considered a related party of the Company in case that party is able to control the Company or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Company. A party is also considered a related party of the Company in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

Considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

20. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applicable to the preparation and presentation of the Combined Financial Statements of the Company.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED BALANCE SHEET**1. Cash**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	251.294.124	203.430.186
Demand deposits in banks	7.437.749.261	6.275.272.185
Total	<u>7.689.043.385</u>	<u>6.478.702.371</u>

2. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>6-month deposits</i>		
SeABank – Ho Chi Minh City Branch	-	12.651.579.752
VPBank – Sai Gon Branch	10.641.874.556	10.000.000.000
Total	<u>10.641.874.556</u>	<u>22.651.579.752</u>

3. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Receivables from related party</i>	<i>412.020.000</i>	-
Thai Son Company Limited	412.020.000	-
<i>Receivables from other customers</i>	<i>19.312.879.908</i>	<i>26.750.165.586</i>
Quoc Viet Seaproducts Processing Trading & Import-Export Corporation	5.849.353.705	5.849.353.705
Hai Premium Treats Co., Ltd.	2.260.137.165	1.172.190.038
Lan Anh Binh Duong Co., Ltd.	1.190.491.197	2.112.320.671
Hung Ca 2 Development Corporation	614.919.006	5.080.661.049
Other customers	9.397.978.835	12.535.640.123
Total	<u>19.724.899.908</u>	<u>26.750.165.586</u>

4. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Prepayments to related party</i>	<i>43.568.839.855</i>	<i>50.148.819.855</i>
Thai Son Company Limited (i)	43.568.839.855	50.148.819.855
<i>Prepayments to other suppliers</i>	<i>3.274.935.069</i>	<i>23.610.703.646</i>
Corpex Asia Ltd.,	-	21.098.089.194
Other suppliers	3.274.935.069	2.512.614.452
Total	<u>46.843.774.924</u>	<u>73.759.523.501</u>

- ① This item reflects the prepayment under the Sales Contract No. 001-2021/TS-API/HDKT dated 19 August 2021, and its appendixes regarding the advance payment towards the acquisition of 750.000 Ci of Co-60 radioactive source, and expenses for renovation, transportation, installation, source allocation calculation, and procedures for licensing and usage.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

5. Other receivables

5a. Other short-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Short-term mortgages, deposits	11.200.000	-	11.200.000	-
Interest to be received	264.355.142	-	441.086.411	-
Other short-term receivables	-	-	3.840.591	-
Total	275.555.142	-	456.127.002	-

5b. Other long-term receivables

This item reflects long-term deposit to Sai Gon High-tech Park Management Authority to secure the implementation of the Irradiation Technology Research and Application Development Center project. Up to now, due to legal issues, including the review and adjustment of the detailed construction plan in compliance with regulations and waiting for approval from the Ministry of Natural Resources and Environment for the use of radioactive materials, the project has not been commenced. The Company has adjusted the project timeline and will complete the legal procedures for the planning and start construction from the third quarter of 2024 to the third quarter of 2027 (see Note No. V.21a).

6. Doubtful debts

	Ending balance			Beginning balance		
	Overdue period	Original amount	Recoverable amount	Overdue period	Original amount	Recoverable amount
Quoc Viet Seaproducts Processing Trading & Import-Export Corporation	More than 3 years	5.849.353.705	-	More than 3 years	5.849.353.705	-
Receivables from other organizations and individuals	From 6 months to less than 1 year	523.720.476	366.604.333	From 6 months to less than 1 year	272.054.170	190.437.919
	From 1 year to less than 2 years	606.185.674	303.092.837	From 1 year to less than 2 years	419.601.447	209.800.723
	From 2 years to less than 3 years	415.541.210	124.662.346	From 2 years to less than 3 years	154.292.014	46.287.604
	More than 3 years	748.185.169	-	More than 3 years	4.244.109.215	-
Total		8.142.986.234	794.359.516		10.939.410.551	446.526.246

Changes in allowances for doubtful debts are as follows

	Current year	Previous year
Beginning balance	10.492.884.305	9.875.307.695
Additional allowances	505.914.852	617.576.610
Written-off	(3.650.172.439)	-
Ending balance	7.348.626.718	10.492.884.305

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

7. Inventories

	Ending balance		Beginning balance	
	Original costs	Allowance	Original costs	Allowance
Tools	2.549.518.077	-	668.589.590	-
Merchandise	285.231.633	-	-	-
Total	2.834.749.710	-	668.589.590	-

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Tools	239.743.955	26.956.477
Insurance premiums	45.579.198	40.244.275
Repair expenses	223.160.000	163.536.776
Other short-term prepaid expenses	487.490.081	298.135.655
Total	995.973.234	528.873.183

8b. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Tools	925.086.630	1.988.545.325
Land rental (i)	27.676.928.029	28.517.746.093
Expenses for irradiation sources	69.500.085.002	73.079.245.202
Other long-term prepaid expenses	1.308.393.493	2.547.216.072
Total	99.410.493.154	106.132.752.692

(i) The right to use land at VSIP Bac Ninh has been mortgaged to secure the loans from Vietcombank – South Binh Duong Branch (see Note No. V.18b).

9. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Total
Historical costs					
Beginning balance	315.095.192.494	529.141.552.593	31.876.307.303	26.837.660.213	902.950.712.603
Acquisition during the year	-	431.049.200	1.609.650.091	231.291.182	2.271.990.473
Completed construction	80.224.545	784.828.988	131.091.000	-	996.144.533
Inclusion into fixed assets during the year	-	24.667.589.194	-	-	24.667.589.194
Ending balance	315.175.417.039	555.025.019.975	33.617.048.394	27.068.951.395	930.886.436.803
In which:					
Assets fully depreciated but still in use	56.858.024.947	41.393.848.569	18.390.550.864	757.099.639	117.399.524.019
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-
Depreciation					
Beginning balance	114.633.767.451	143.916.127.734	21.384.304.680	1.628.649.210	281.562.849.075
Depreciation during the year	11.512.374.786	38.068.517.243	1.629.303.383	3.315.565.533	54.525.760.945
Ending balance	126.146.142.237	181.984.644.977	23.013.608.063	4.944.214.743	336.088.610.020

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Total
Carrying values					
Beginning balance	200.461.425.043	385.225.424.859	10.492.002.623	25.209.011.003	621.387.863.528
Ending balance	189.029.274.802	373.040.374.998	10.603.440.331	22.124.736.652	594.797.826.783
<i>In which:</i>					
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-

The historical costs and carrying values of tangible fixed assets of Representative Office in Ho Chi Minh City are VND 44.332.983.208 and VND 38.603.462.224 respectively. These asset were invested under the Business Cooperation Contract No. 01/HĐHT- APIRA dated 01 March 2022 with Ms. Vo Thuy Duong (see Note No. VIII.3).

Some tangible fixed assets, of which the carrying values are VND 464.144.524.972, have been mortgaged to secure the loans from Vietcombank – South Binh Duong Branch (see Note No. V.18b).

10. Intangible fixed assets

	Land use right	Computer software	Total
Initial costs			
Beginning balance	35.063.900.737	5.502.042.896	40.565.943.633
Ending balance	35.063.900.737	5.502.042.896	40.565.943.633
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	988.285.878	988.285.878
Amortization			
Beginning balance	13.100.700.324	3.835.601.468	16.936.301.792
Amortization during the year	976.815.792	971.665.296	1.948.481.088
Ending balance	14.077.516.116	4.807.266.764	18.884.782.880
Carrying values			
Beginning balance	21.963.200.413	1.666.441.428	23.629.641.841
Ending balance	20.986.384.621	694.776.132	21.681.160.753
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

All of the Company's land use rights have been mortgaged to secure the loans from Vietcombank – South Binh Duong Branch (see Note No. V.18b).

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

11. Construction-in-progress

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increase during the year</u>	<u>Inclusion into fixed assets during the year</u>	<u>Other decreases</u>	<u>Ending balance</u>
Acquisition of fixed assets	78.000.000	-	-	-	78.000.000
Construction-in-progress	-	1.168.334.083	(996.144.533)	(172.189.550)	-
- Binh Duong Irradiation Plant project	-	383.505.095	(211.315.545)	(172.189.550)	-
- Bac Ninh Irradiation Plant project	-	784.828.988	(784.828.988)	-	-
Total	78.000.000	1.168.334.083	(996.144.533)	(172.189.550)	78.000.000

12. Deferred income tax assets

The Company has not recognized deferred income tax assets for following items:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Loan interest (i)	19.821.631.453	17.448.155.842
Taxable loss ((ii)	30.152.949.821	16.399.863.879
Total	49.974.581.274	33.848.019.721

(i) Details of non-deductible loan interest expenses are as follows:

2022	2.651.107.266
2023	14.797.048.576
2024	2.373.475.611
Total	19.821.631.453

In accordance with the Government's Decree No. 132/2020/NĐ-CP dated 05 November 2020, from the tax period of 2019 onwards, the non-deductible loan interest is carried forward to the next tax period for the determination of total deductible loan interest if the actually incurred loan interest in the next tax period is lower than the amount of prescribed deductible loan interest. The loan interest may be carried forward for a maximum consecutive period of 5 years, counting from the year following the year of incurring non-deductible loan interest. Deferred income tax assets are not recognized since there is little possibility on the availability of taxable income in the future on use of such loan interest.

(ii) The taxable loss has been adjusted according to Inspection Minutes dated 23 September 2024 of Binh Duong Province Tax Department. Details of unused taxable loss are as follows:

2023	16.399.863.879
2024	13.753.085.942
Total	30.152.949.821

According to the current Law on Corporate Income Tax, the loss of any tax year is brought forward to offset against the profit of the following years for the maximum period of 5 years from year after the loss suffering year. Deferred income tax assets are not recognized for these accounts since there is little possibility on the availability of taxable income in the future against which these accounts can be used.

13. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Hoang Quan Mekong Corporation ⁽ⁱ⁾	7.615.488.325	7.278.393.209
Corpex Asia Ltd.,	3.590.587.000	-
Other suppliers	453.622.795	651.921.278
Total	11.659.698.120	7.930.314.487

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

- 9) The Company has not paid overdue payables to Hoang Quan Mekong Corporation because this partner has not fulfilled the obligations specified in the contract.

14. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance		Increase during the year		Ending balance	
	Payables	Receivables	Amount payable	Amount paid	Payables	Receivables
VAT on local sales	381.831.572	-	3.400.569.661	(3.563.433.853)	218.967.380	-
VAT on imports	-	-	228.623.188	(228.623.188)	-	-
Export-import duties	-	-	37.693.034	(37.693.034)	-	-
Corporate income tax	-	2.514.507.447	500.551.395	(500.551.395)	-	2.514.507.447
Personal income tax	74.772.372	-	750.035.411	(735.958.959)	88.848.824	-
Land rental	-	-	454.320.624	(454.320.624)	-	-
Natural resource tax	-	-	35.243.797	(35.243.797)	-	-
Other taxes	-	-	29.664.468	(29.664.468)	-	-
Fees, legal fees and other duties	-	-	155.615.544	(155.615.544)	-	-
Total	456.603.944	2.514.507.447	5.592.317.122	(5.741.104.862)	307.816.204	2.514.507.447

Value added tax (VAT)

The Company has paid VAT in accordance with the deduction method. The tax rates applied are as follows:

- Exports 0%
- Local sales 05% or 10%
- Some goods and services are applied value-added tax rate of 8% according to the Government's Decree No. 94/2023/NĐ-CP dated 28 December 2023 for the period from 01 January 2024 to 30 June 2024 and the Government's Decree No. No. 72/2024/NĐ-CP dated 30 June 2024 for the period from 01 July 2024 to 31 December 2024

Export-import duties

The Company has declared and paid these duties in line with the Customs' notices.

Corporate income tax

The Company has to pay corporate income tax on taxable income at the rate of 20%.

Estimated corporate income tax payable during the year is as follows:

	Current year	Previous year
Total accounting profit/(loss) before tax	(20.359.327.376)	(34.943.736.177)
Increases/(decreases) of accounting profit to determine profit subject to corporate income tax:		
- Non-deductible loan interest (i)	2.373.475.611	14.797.048.576
- Other increases	4.232.765.823	3.746.823.722
- Decreases	-	-
Taxable income	(13.753.085.942)	(16.399.863.879)
Corporate income tax rate	20%	20%
Corporate income tax payable	-	-
Adjustments of corporate income tax of the previous years	500.551.395	665.320.184
Total corporate income tax payable	500.551.395	665.320.184

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

- (f) This non-deductible loan interest is brought forward to the next taxable period for the determination of total loan interest deductible if actually incurred loan interest in the next taxable period is lower than the amount of prescribed deductible loan interest. The loan interest may be brought forward for a maximum consecutive period of 5 years, starting from the year following the year of incurring non-deductible loan interest.

Determination of corporate income tax liability of the Company is based on currently applicable regulations on tax. Nonetheless, these tax regulations may change from time to time and tax regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Hence, the tax amounts presented in the Combined Financial Statements can be changed upon the inspection of tax authorities.

Land rental

The Company has declared and paid land rental according to the notices of Investment and Construction Project Authority of Saigon Hi-Tech Park.

Other taxes

The Company has declared and paid these taxes in line with the prevailing regulations.

15. Payables to employees

This item reflects salary and bonus payable to employees.

16. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Brokerage commission	233.386.509	129.346.098
Infrastructure maintenance and operation expenses	1.080.629.070	1.080.629.071
Loan interest expenses	1.005.803.698	387.128.375
Power charges	384.690.153	397.970.284
Other short-term accrued expenses	13.209.184	129.540.061
Total	<u>2.717.718.614</u>	<u>2.124.613.889</u>

17. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Trade Union's expenditure, social insurance premiums, health insurance premiums and unemployment insurance premiums	1.250.661.890	1.111.111.890
Dividends payable	236.593.375	236.593.375
Commission payable	-	279.332.450
Other short-term payables	237.674.700	114.000.000
Total	<u>1.724.929.965</u>	<u>1.741.037.715</u>

The Company has no other overdue payables.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

18. Borrowings

18a. Short-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Short-term loans from related party	26.000.000.000	-
<i>Loan from Ms. Tran Ngoc Thien Nga (i)</i>	26.000.000.000	-
Short-term loans from banks	-	12.043.018.303
<i>Loan from SeABank – Ho Chi Minh City Branch</i>	-	2.292.551.495
<i>Loan from VPBank – Sai Gon Branch</i>	-	9.750.466.808
Current portions of long-term loans (see Note No. V.18b)	74.400.000.000	74.400.000.000
Total	<u>100.400.000.000</u>	<u>86.443.018.303</u>

- (i) The unsecured loans from Ms. Tran Ngoc Thien Nga under Contracts signed on 10 June 2024, 12 September 2024 and 11 December 2024 are to supplement working capital at the interest rates of 8%/year and 6,8%/year. The loan terms are 5 months, 6 months, and 3 months, respectively.

The Company is solvent over short-term loans.

Details of increases/(decreases) of short-term borrowings are as follows:

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increase during the year</u>	<u>Transfer from long-term borrowings</u>	<u>Amount repaid during the year</u>	<u>Ending balance</u>
Short-term loan from banks	12.043.018.303	22.004.508.630	-	(34.047.526.933)	-
Short-term loan from individuals	-	31.000.000.000	-	(5.000.000.000)	26.000.000.000
Current portions of long-term loans	74.400.000.000	-	74.400.000.000	(74.400.000.000)	74.400.000.000
Total	<u>86.443.018.303</u>	<u>53.004.508.630</u>	<u>74.400.000.000</u>	<u>(113.447.526.933)</u>	<u>100.400.000.000</u>

18b. Long-term borrowings

The loan from Vietcombank – South Binh Duong Branch is to prematurely repay the loan from MB Bank – An Phu Branch to implement “the Investment Project of An Phu Irradiation Plant in Bac Ninh Province”. The maximum loan term is 78 months, but no later than 07 June 2027. The loan interest rate is fixed for the first 2 years, starting from the date of the first loan disbursement and then it is adjusted according to market interest rate. This loan is secured by:

- Assets attached to land lot No. 200, Cadastral Map No. 9 for an area of 14.279,41 m² located at An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province under the Contract No. 131/AP-VCB/HĐTC/2020 on mortgaging land-attached assets;
- Assets attached to land lot No. 02, Map No. 58 for an area of 27.095,5 m² located at My Loi Hamlet, My Hoa Commune, Binh Minh Town, Vinh Long Province under the Contract No. 132/AP-VCB/HĐTC/2020 on mortgaging land-attached assets;
- Assets attached to land under the construction and investment project of “An Phu Irradiation Plant” located at VSIP Bac Ninh Industrial – Urban – Service Park, Dai Dong Commune, Tien Du District, Bac Ninh Province under the Contract No. 133/AP-VCB/HĐTC/2020 on mortgaging land-attached assets formed in the future;
- Machinery, equipment under the Mortgage Contracts No. 134/AP-VCB/HĐTC/2020 and No. 135/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Right to use the assets and the benefits incurred from the contract regarding the land lot No. 200, Cadastral Map No. 9 for an area of 14.279,41 m² located at An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province under the Mortgage Contract No. 136/AP-VCB/HĐTC/2020;

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

- Right to use the assets and the benefits incurred from the contract regarding the land lot No. 2, Map No. 58 for an area of 27.095,5 m² located at My Loi Hamlet, My Hoa Commune, Binh Minh Town, Vinh Long Province under the Mortgage Contract No. 137/AP-VCB/HĐTC/2020;
- Right to use the assets and the benefits incurred from the contract regarding the land lot No. 9, Map No. 29 for an area of 15.000,00 m² located at Dai Dong Commune, Tien Du District, Bac Ninh Province under the Mortgage Contract No. 138/AP-VCB/HĐTC/2020.

The Company is solvent over long-term loans.

Repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
1 year or less	74.400.000.000	74.400.000.000
More than 1 year to 5 years	111.377.108.882	185.777.108.882
Total	<u>185.777.108.882</u>	<u>260.177.108.882</u>

Details of increases/(decreases) of long-term borrowings are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	185.777.108.882	260.177.108.882
Transfer to short-term loans	<u>(74.400.000.000)</u>	<u>(74.400.000.000)</u>
Ending balance	<u>111.377.108.882</u>	<u>185.777.108.882</u>

18c. Overdue borrowings

The Company has no overdue loans.

19. Bonus and welfare funds

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	13.213.992.680	13.259.292.680
Disbursement	<u>(54.400.000)</u>	<u>(45.300.000)</u>
Ending balance	<u>13.159.592.680</u>	<u>13.213.992.680</u>

20. Owner's equity

20a. Statement of changes in owner's equity

Information on the changes in owner's equity is presented in the attached Appendix.

20b. Details of owner's capital

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Ms. Vo Thuy Duong	80.529.200.000	80.529.200.000
Thai Son Company Limited	44.596.540.000	44.596.540.000
Torus Capital Investments Pte. Ltd.	28.707.200.000	28.707.200.000
Mr. Vo Thai Son	8.711.000.000	8.000.000.000
Ms. Le Thi My Duyen	5.483.400.000	5.483.400.000
Treasury shares	2.163.700.000	2.163.700.000
Other shareholders	31.022.910.000	31.733.910.000
Total	<u>201.213.950.000</u>	<u>201.213.950.000</u>

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

The Resolution No. 01/NQ-DHDCD-API dated 25 June 2021 of the Annual General Meeting of Shareholders approved the plan on issuance of shares to existing shareholders as follows:

- Types of shares: common shares
- Face value: VND 10.000/share
- Expected number of shares to be offered: 19.905.025 shares
- Offering price: The Board of Management is authorized to decide the price
- Estimated time of offer: In the 4th quarter of 2021
- Principle of determining the offer price: based on the net book value as at 31 December 2020 (in the audited Combined Financial Statements for the year 2020) and the market situation as at the time of offering.
- Execution rate: 1:1. The number of shares each shareholder is entitled to purchase shall be rounded to the nearest unit
- Offering purpose and plan on use of capital: Total amount gained from the share issuance will be used to invest in An Phu Irradiation Research and Application Center (APIRA) and supplement working capital.

Due to the impact of the Covid-19 pandemic, the implementation of the investment project has been delayed, the Company's capital mobilization accordingly has been adjusted on the basis of the project schedule (i.e. changed from the 3rd quarter of 2023 to the 4th quarter of 2027).

20c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of shares registered to be issued	20.121.395	20.121.395
Number of shares sold to the public	20.121.395	20.121.395
- Common shares	20.121.395	20.121.395
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	(216.370)	(216.370)
- Common shares	(216.370)	(216.370)
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	19.905.025	19.905.025
- Common shares	19.905.025	19.905.025
- Preferred shares	-	-

Face value of outstanding shares: VND 10.000.

21. Off-combined balance sheet items

21a. External leased assets

The total minimum lease payment in the future for irrevocable leasing contracts will be settled as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
1 year or less	643.714.628	643.714.628
More than 1 year to 5 years	2.574.858.510	2.574.858.510
More than 5 years	26.099.051.953	26.753.495.157
Total	<u>29.317.625.090</u>	<u>29.972.068.295</u>

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

The above operating lease payment includes the total rental for 29.616,5 m² of land at the following locations: No. 9570-1/GĐ-TNMT for Lot E6-6, D9 Road, Hi-Tech Park, Long Thanh My Ward, Thu Duc City, and No. 9570-2/GĐ-TNMT for Lot E6-7, D1 Road, Hi-Tech Park, Long Thanh My Ward, Thu Duc City. The leasing rate is VND 21.735/m²/year. The term of the signed lease contract is 49 years and 11 months, starting from 26 December 2019 to 21 November 2069 (see Notes No. V.5b and V.20b).

21b. Foreign currencies

As of the balance sheet date, cash includes USD 109.442,28 (Beginning balance: USD 1.879,48).

21c. Treated doubtful debts

During the year, the Company has written off irrecoverable debts of totally VND 3.650.172.439.

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED INCOME STATEMENT

1. Revenue from sales of goods and provisions of services

1a. Gross revenue

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from provisions of services	128.898.698.562	116.268.405.756
Others	2.202.729.535	1.641.916.739
Total	<u>131.101.428.097</u>	<u>117.910.322.495</u>

1b. Revenue from sales of goods and provisions of services to related parties

During the year, the Company has sales of goods with Thai Son Company Limited for an amount of VND 381.500.000 (there were no transactions in the previous year).

2. Costs of sales

This item reflects costs of service provisions.

3. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Term deposit interest	1.057.476.138	4.581.235.272
Demand deposit interest	11.361.933	13.381.352
Total	<u>1.068.838.071</u>	<u>4.594.616.624</u>

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Loan interest expenses	19.937.338.082	31.840.194.487
Exchange loss arising	156.342.516	-
Exchange loss due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	214.678.801	203.996.363
Total	<u>20.308.359.399</u>	<u>32.044.190.850</u>

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)**5. Selling expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Staff costs	2.494.256.974	2.788.411.847
Tools, supplies	27.131.058	5.488.641
Expenses for external services	7.454.708	43.819.227
Commission expenses	2.184.691.349	1.958.519.490
Other expenses	76.804.814	36.400.244
Total	<u>4.790.338.903</u>	<u>4.832.639.449</u>

6. General and administration expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Staff costs	11.718.707.281	12.783.557.276
Office stationery	326.970.773	420.188.711
Depreciation/(amortization) of fixed assets	7.355.943.585	4.023.285.299
Taxes, fees and legal fees	14.126.300	18.910.390
Allowance for doubtful debts	505.914.852	617.576.610
Expenses for external services	3.280.659.865	3.739.356.673
Other expenses	5.070.827.268	6.365.643.880
Total	<u>28.273.149.924</u>	<u>27.968.518.839</u>

7. Other income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Gifts and promotions	520.912.950	170.142.302
Other income	31.775.165	1.364.469
Total	<u>552.688.115</u>	<u>171.506.771</u>

8. Other expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Tax fines and tax collected in arrears	351.006.509	220.620.825
Other expenses	942.800	44.527.042
Total	<u>351.949.309</u>	<u>265.147.867</u>

9. Earnings per share**9a. Basic/diluted earnings per share**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Accounting profit/(loss) after corporate income tax	(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
Appropriation for bonus and welfare funds	-	-
Profit/(loss) used to calculate basic/diluted earnings per share	(20.859.878.771)	(35.609.056.361)
The average number of ordinary shares outstanding during the year	19.905.025	19.905.025
Basic/diluted earnings per share	<u>(1.048)</u>	<u>(1.789)</u>

9b. Other information

There are no transactions over the common share or potential common share from the balance sheet date until the date of these Combined Financial Statements.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

10. Operating costs by factors

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	13.475.540.883	12.148.097.720
Labor costs	35.841.857.845	36.238.622.364
Depreciation/(amortization) of fixed assets	56.474.242.033	49.099.614.840
Expenses for external services	18.485.515.822	20.044.353.204
Other expenses	8.144.816.368	7.780.155.222
Total	<u>132.421.972.951</u>	<u>125.310.843.350</u>

VII. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE COMBINED CASH FLOW STATEMENT

As of the balance sheet date, balances related to acquisition of fixed assets are as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Advance for acquisition of fixed assets	3.083.416.700	23.606.207.594
Payables for acquisition of fixed assets	3.876.276.104	413.953.397

VIII. OTHER DISCLOSURES

1. Transactions and balances with related parties

The Company's related parties include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The Company's key managers include the Board of Management, The Audit Committee and the Board of Directors. The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions with the key managers and their related individuals

The Company has no sales of goods and service provisions with the key managers and their related individuals and only has following transactions with the key managers and their related individuals:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>Ms. Vo Thuy Duong</i>		
Payment of the Company's expenses with personal visa card	2.192.015.373	3.033.110.218
<i>Mr. Vo Thai Son</i>		
Payment of the Company's expenses with personal visa card	841.891.429	893.805.388
<i>Ms. Tran Ngoc Thien Nga</i>		
Borrowing	31.000.000.000	-
Loan interest	764.547.946	-

The purchases of services from the key managers and their related individuals are done at the mutually agreed prices.

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals

Receivables from and payables to the key managers and their related individuals are presented in Note No. V.18a.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

Remuneration of the key managers

Full name	Position	Current year	Previous year
Mr. Huynh Ngoc Hau	Chairman	206.400.000	208.000.000
Ms. Vo Thuy Duong	Board Member cum General Director	1.156.467.559	1.375.980.000
Mr. Vo Thai Son	Deputy General Director	824.231.504	830.120.000
Ms. Le Thi My Duyen	Board Member	318.897.593	303.230.000
Ms. Huynh Thi Bich Loan	Board Member cum Chairwoman of the Internal Audit Committee	180.600.000	182.000.000
Ms. Pham Thi Luong	Board Member cum Member of the Internal Audit Committee	37.488.889	182.000.000
Ms. Tran Ngoc Tram	Board Member	112.000.000	-
Mr. Nguyen Ngoc Hoang	Admin Manager	154.800.000	156.000.000
Total		2.990.885.545	3.237.330.000

1b. Transactions and balances with other related parties

Other related party of the Company is only Thai Son Company Limited, which is a major shareholder.

Transactions with other related party

Apart from sales of goods to related party presented in Note No. VI.1b, the Company incurred purchase of merchandise from Thai Son Company Limited for an amount of VND 5.981.800.000 (Previous year: VND 45.299.627.768).

The prices of merchandise supplied to other related parties are mutually agreed prices. The purchases of merchandise and services from other related parties are done at the agreed prices.

Receivables from and payables to other related party

Receivables from and payables to other related party are presented in Notes No. V.3 and V.4.

The receivables from other related party are unsecured and will be paid in cash. No allowances have been made for the receivables from other related party.

2. Segment information

The Company's principal business activities are to provide services of irradiation, sterilization, storage and preservation of products. These services have no differences in terms of risks and economic benefits.

The Company's services are provided to customers in Binh Duong Province, Ho Chi Minh City, Mekong River Delta and Northern provinces through the Company's Head Office and branches. These markets also have no differences in terms of risks and economic benefits.

3. Going-concern assumption

During the fiscal year ended 31 December 2024, the Company kept incurring a loss of VND 20.859.878.771, its current liabilities exceeded its current assets by an amount of VND 44.529.489.976. These factors may affect the Company's ability to continue as a going-concern.

AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province

COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Combined Financial Statements (cont.)

However, as to 21 March 2025, the Company has received the acceptance of credit grant from Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) with credit limited of VND 170.000.000.000 and the loan term of 10 years. The Company will use this loan capital to repay the loan capital invested in Bac Ninh Irradiation Plant. Therefore, the Combined Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 were still prepared on the going-concern basis.

4. Other information

According to the Business Cooperation Contract No. 01/HĐHT- APIRA dated 01 March 2022, the Company and Ms. Vo Thuy Duong have cooperated to invest, construct, and purchase equipment for the Representative Office in Ho Chi Minh City on Land Lot No. 13, Map No. 14, with an area of 76,2 m², located at No. 157 Le Thanh Ton Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City. According to the Contract, Ms. Vo Thuy Duong contributed capital by assigning the land use rights to the Company for 20 years, while the Company contributed capital for the amount of VND 45.000.000.000 to construct the office on the land in accordance with the construction permit granted to the Company. The cooperation period is 20 years, starting from 01 March 2022 to 28 February 2042. After this period, the Company will re-assign the assets (i.e. land use rights and assets attached to the land) to Ms. Vo Thuy Duong. Additionally, the Company will pay an additional support at the rate of VND 30.000.000/month from the 9th year onward, on the last day of each month.

5. Subsequent events

There are no material subsequent events which are required adjustments or disclosures in the Combined Financial Statements.

Binh Duong, 25 March 2025



Phan Thi Loi
Preparer



Tran Thi Hong Mai
Chief Accountant



Vo Thuy Duong
General Director



AN PHU IRRADIATION JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 119A/2, Group 4, Quarter 1B, An Phu Ward, Thuan An City, Binh Duong Province
COMBINED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Appendix: Statement of changes in owner's equity

Unit: VND

	Owner's capital	Share premiums	Treasury stocks	Investment and development fund	Retained earnings	Total
Beginning balance of the previous year	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	296.489.921.785	626.249.976.964
Profit/(loss) in the previous year	-	-	-	-	(35.609.056.361)	(35.609.056.361)
Ending balance of the previous year	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	260.880.865.424	590.640.920.603
Beginning balance of the current year	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	260.880.865.424	590.640.920.603
Profit/(loss) in the current year	-	-	-	-	(20.859.878.771)	(20.859.878.771)
Ending balance of the current year	201.213.950.000	121.440.570.454	(2.163.700.000)	9.269.234.725	240.020.986.653	569.781.041.832



Phan Thi Loi
Preparer



Tran Thi Hong Mai
Chief Accountant

Binh Duong, 25 March 2025



Vo Thuy Duong
General Director

